

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2006/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Chương trình tiếng Chăm
dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức
công tác ở vùng dân tộc, miền núi****BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Theo Kết luận của Hội đồng thẩm định Chương trình tiếng Chăm dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi ngày 11 tháng 02 năm 2006;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tiếng Chăm dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chương trình tiếng Chăm kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn giáo trình, tài liệu tiếng Chăm dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Vọng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHƯƠNG TRÌNH****Tiếng Chăm dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm
cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2006/QĐ-BGDĐT

ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MỤC TIÊU

Học xong Chương trình này, học viên đạt các yêu cầu sau:

1. Có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp thành thạo bằng tiếng Chăm; có phương pháp dạy học tiếng dân tộc để dạy tiếng Chăm cho đối tượng là cán bộ, công chức đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc Chăm.

2. Có kiến thức cơ bản về tiếng Chăm thuộc một số lĩnh vực: ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng; có hiểu biết sơ giản về phương pháp dạy học tiếng dân tộc cho người lớn; có hiểu biết về đời sống, văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Chăm.

3. Có tinh thần bảo tồn và phát huy tiếng nói, văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Chăm; có ý thức thực hiện chủ trương đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**1. Phù hợp với đối tượng**

Đối tượng học viên là những người có trình độ trung học cơ sở trở lên, biết tiếng Chăm, có nhu cầu hoặc được phân công đào tạo, bồi dưỡng về tiếng Chăm và nghiệp vụ sư phạm theo chương trình ngắn hạn để trở thành giáo viên dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức chưa biết tiếng Chăm công tác ở vùng dân tộc Chăm. Xuất phát từ đặc điểm của người học, Chương trình này thiết kế nội dung bám sát các chủ đề của đời sống xã hội thuộc những lĩnh vực công tác của học viên, nhằm

làm cho nội dung học tập gắn với kinh nghiệm của người học để tạo ra sự hứng thú cao trong việc học tập tiếng Chăm.

Để phù hợp với đối tượng của Chương trình này, nội dung chương trình được biên soạn tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao, giúp học viên nhanh chóng đạt được mục tiêu đã đề ra khi kết thúc khóa đào tạo.

Để đáp ứng mục tiêu và yêu cầu, Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Chăm được xây dựng theo cấu trúc đồng dạng nhưng nâng cao hơn so với Chương trình dạy tiếng Chăm dành cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Chăm và bổ sung thêm khối kiến thức và kỹ năng sư phạm.

2. Giao tiếp

Để hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Chăm theo mục tiêu và yêu cầu, Chương trình này cần được xây dựng theo quan điểm giao tiếp. Quan điểm này chú ý hình thành, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp (với trọng tâm là 4 kỹ năng đọc, viết, nghe, nói); chú ý hơn nội dung dạy đọc và viết (vì đối tượng này đã biết nghe và nói tương đối thành thạo tiếng Chăm); hình thành và rèn luyện các kỹ năng với các mẫu câu cơ bản, các lớp từ ngữ thông dụng, phù hợp với các hoàn cảnh giao tiếp; ưu tiên thực hành, chú ý kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hàng ngày.

3. Tích hợp

Để đạt được mục tiêu, Chương trình này chú ý kết hợp chặt chẽ giữa việc trang bị kiến thức ngôn ngữ Chăm với việc tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Chăm cho học viên. Kết hợp chặt chẽ các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói.

Tích hợp dạy ngôn ngữ Chăm với việc trang bị và hệ thống hóa những hiểu biết về văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào Chăm.

Để học viên nắm được kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Chăm và nhanh chóng có khả năng dạy học, Chương trình gắn các bài học lý thuyết về phương pháp giảng dạy với việc biên soạn giáo án và thực hành dạy các bài theo Chương trình dạy tiếng Chăm dành cho cán bộ công tác ở vùng đồng bào dân tộc Chăm.

III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Tổng thời lượng

Chương trình được thực hiện với thời lượng 750 tiết, mỗi tiết 45 phút.

2. Cấu trúc Chương trình và phân bổ thời lượng

Chương trình gồm hai khối kiến thức và kỹ năng:

- a) Khối kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ có thời lượng 600 tiết, bao gồm:
 - 150 tiết học kiến thức cơ bản về tiếng Chăm, chữ Chăm (ngữ âm và chữ viết);
 - 450 tiết học về ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng và thực hành nghe, nói, đọc, viết tiếng Chăm (trong đó khoảng 300 tiết học thực hành đọc, viết và khoảng 150 tiết học thực hành nghe, nói).
- b) Khối kiến thức và kỹ năng sư phạm có thời lượng 150 tiết, bao gồm:
 - 70 tiết trang bị về phương pháp dạy học tiếng dân tộc.
 - 80 tiết thực hành sư phạm.

IV. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT

1. Về kỹ năng

- a) Kỹ năng ngôn ngữ
 - Đọc rõ ràng, trôi chảy các giấy tờ thông dụng, đơn, thư, các tin ngắn, thông báo, các bài văn kể chuyện và miêu tả, các văn bản truyện, thơ dân gian được ghi lại. Hiểu nội dung, ý chính và mục đích thông báo của văn bản. Hiểu ý nghĩa của một số thành ngữ, tục ngữ phổ biến thuộc các lĩnh vực và chủ đề đã học. Có khả năng dịch từ tiếng Chăm sang tiếng Việt và ngược lại.
 - Viết đúng chính tả, đúng kiểu chữ và cỡ chữ nhỏ một đoạn ngắn, một bài ngắn có độ dài từ 120 đến 150 từ thuộc các kiểu văn bản: tin tức, thông báo, thư trao đổi công việc, kể chuyện hoặc bài thuyết minh (giới thiệu) đơn giản một vấn đề gần gũi. Viết được các giấy tờ thông dụng trong đời sống.
 - Nghe và dịch được nội dung các cuộc đàm thoại, các bản tin phát thanh, các bài phát biểu, các văn bản phổ biến kiến thức khoa học, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có thể ghi lại được những thông tin quan trọng để hiểu đúng hoặc để đáp lại.
 - Nói rõ ràng, mạch lạc (phát âm và ngữ điệu), đúng ngữ pháp và mục đích giao tiếp để có thể trao đổi và trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề gần gũi thuộc các lĩnh vực đời sống xã hội của vùng đồng bào dân tộc Chăm (phổ biến kiến thức,

hướng dẫn công việc, vận động nhân dân làm theo chính sách của Đảng và Nhà nước) với độ dài 400 từ trở lên.

b) Kỹ năng sư phạm

- Biết soạn giáo án dạy học phù hợp với đối tượng người học.
- Có kỹ năng dạy học thể hiện được quan điểm tích hợp và tích cực hóa người học; biết tổ chức giờ học một cách hợp lý.

2. Về kiến thức

a) Kiến thức ngôn ngữ

- Nắm được hệ thống chữ cái, chữ số, hệ thống âm vần, hệ thống dấu âm, cách ghép âm, vần, quy tắc chính tả của tiếng Chăm.

- Có vốn từ ngữ nhất định khoảng 2000 từ (bao gồm cả thành ngữ) theo các chủ đề học tập. Nắm được các phương thức cấu tạo từ, các hiện tượng từ đơn tiết, từ đa tiết (từ có thành phần Lang - likuk), từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và từ đa nghĩa.

- Biết được một số từ loại cơ bản (danh từ, động từ, tính từ, đại từ, quan hệ từ); các kiểu câu: câu đơn (câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán); câu ghép; một số thành phần câu (qua bài tập đặt câu và trả lời câu hỏi: Ai ? Làm gì ? Thế nào ? Bao nhiêu ? Khi nào ? Bao giờ ? Ở đâu ? Vì sao ? Để làm gì ? Bằng gì ? Như thế nào ?); nhận biết câu ghép và một số kiểu câu đặc thù của tiếng Chăm.

- Nắm được các nghi thức lời nói, cấu tạo văn bản (đoạn văn, bài văn), biết cách xây dựng một số kiểu văn bản thông dụng (viết thư, kể chuyện, thuyết minh).

b) Kiến thức văn hóa dân tộc

- Hiểu và sử dụng được các nghi thức giao tiếp, ứng xử đơn giản của đồng bào Chăm (chào gặp mặt và chào tạm biệt, hỏi thăm, chia vui, chia buồn, chúc mừng, cầu khiến lịch sự); nghi thức nói khi điều khiển cuộc họp hoặc phát biểu trước nhiều người; một số điều kiêng kị khi giao tiếp miệng về phương diện ngữ âm, từ vựng và cách biểu đạt ý nghĩ.

c) Kiến thức sư phạm

- Có những hiểu biết về phương pháp dạy học tiếng dân tộc; các xu hướng đổi mới phương pháp dạy học; phương tiện dạy học và cách sử dụng phương tiện dạy học có hiệu quả; vai trò của đánh giá và phương pháp đánh giá học viên.

V. NỘI DUNG

1. Kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ

a) Phần học riêng

- Giới thiệu về tiếng Chăm

+ Nguồn gốc

+ Phân bố địa lý

- Giới thiệu về chữ Chăm

+ Chữ Thrah

+ Chữ Jawi

+ Chữ Rumi

- Chữ cái, dấu âm, âm, vần: chọn hệ thống chữ Thrah, nhưng khi giới thiệu chú ý lồng ghép thuyết minh thêm những điểm tương ứng giữa chữ Thrah với chữ Jawi và chữ Rumi.

+ Các nét viết cơ bản

+ 37 chữ cái: luyện đọc, luyện viết

+ Phụ âm đầu và phụ âm cuối

+ 24 dấu âm: luyện viết

+ 10 chữ số: luyện đọc, luyện viết

+ Kết hợp chữ cái: luyện đọc, luyện viết

+ 4 nhóm phụ âm không có trong tiếng Việt: luyện đọc, luyện viết

+ Lang - likuk: luyện đọc, luyện viết

+ Các nguyên âm đôi: luyện đọc, luyện viết

+ Cách ghép vần với chữ cái: luyện đọc, luyện viết

+ Trường hợp đồng âm dị tự, đồng tự dị âm

Cách đánh vần: Nên theo cách đánh vần của chữ quốc ngữ hiện nay để phù hợp hơn với người học vốn không phải là người Chăm.

b) Phần học tích hợp kiến thức và kỹ năng dạy theo hệ thống chủ đề

| Chủ đề/Tập đọc | Kiến thức (ngôn ngữ và văn hóa) | Kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) |
|--|---|--|
| <p>1. Gia đình, dòng tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ và tình cảm gia đình - Đồ dùng, vật dụng trong nhà - Kinh tế gia đình - Tục mẫu hệ, phụ hệ - Hôn nhân - Sinh đẻ có kế hoạch | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về quan hệ gia đình, dòng tộc. - Từ ngữ về ngày tháng. - Từ xưng hô. - Đại từ nhân xưng. - Số đếm, số thứ tự. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi - Cách chào tạm biệt - Hỏi và trả lời câu hỏi về giờ, tên, tuổi, năm sinh - Giới thiệu về gia đình - Hỏi và trả lời câu hỏi Có... không ? Ai là ai ? Bao nhiêu ? - Tập viết chữ, viết chính tả |
| <p>2. Làng xã</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình cảm quê hương - Già làng, chức sắc tôn giáo của người Chăm - Các vùng cư trú của người Chăm - Luật lệ, hương ước - Quê hương đổi mới | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về làng xã, về chức sắc. - Từ đơn và từ ghép. - Từ phái sinh, trung tố và tiền tố. - Từ láy. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Xin lỗi. Cảm ơn. - Cách hỏi đường đi - Giới thiệu về làng xã. - Cách thể hiện ý nghĩa thời gian của hoạt động - Hỏi và trả lời câu hỏi Ai làm gì? - Tập viết chữ - Viết chính tả |
| <p>3. Thiên nhiên, môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mùa, thời tiết, khí hậu - Núi đồi, đồng ruộng, sông, suối, biển - Động vật - Thực vật - Bảo vệ thiên nhiên, môi trường (theo tập quán, theo pháp luật). | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về thiên nhiên. - Từ ngữ về đo lường (theo cách đo truyền thống của người Chăm). - Số thập phân, số phần trăm. - Từ nghi vấn. - Từ chỉ mức độ. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý, từ chối - Trao đổi ý kiến về bảo vệ môi trường - Cách thể hiện ý nghĩa mức độ của tính chất - Hỏi và trả lời câu hỏi Ai thế nào? - Tập viết chữ - Viết chính tả |

| | | |
|---|---|--|
| <p>4. Đất nước, quốc gia, quốc tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ quốc Việt Nam - Người Chăm và các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam - Di tích và danh lam thắng cảnh Chăm - Việt Nam, Đông Nam Á và thế giới | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về địa lý, lịch sử nước ta, về các dân tộc anh em. - Cụm động từ. - Đại từ chỉ định. - Đại từ bất định. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi ý kiến về tình đoàn kết, sự giúp đỡ giữa các dân tộc anh em - Hỏi và trả lời các câu hỏi Ở đâu? Khi nào? Bao giờ? Đã... chưa? - Viết chính tả - Viết đoạn văn ngắn có nội dung phù hợp với chủ đề đang học. |
| <p>5. Làng Chăm ơn Đảng và Bác Hồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làng Chăm ơn Đảng và Bác Hồ - Những mẩu chuyện về Bác Hồ - Tình cảm Bác Hồ với dân tộc thiểu số - Đảng viên người dân tộc Chăm | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về Đảng, Bác Hồ. - Cụm danh từ - Loại từ. - Cách so sánh bằng, hơn, nhất - Từ đồng nghĩa - Từ trái nghĩa - Từ đa nghĩa - Từ đồng âm - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Nói về tình cảm với Đảng và Bác Hồ - Hỏi và trả lời các câu hỏi Vì sao ? Để làm gì ? - Viết chính tả - Viết đoạn văn ngắn có nội dung phù hợp với chủ đề đang học. |
| <p>6. Lao động, sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống lao động của người Chăm - Ngành nghề, làng nghề truyền thống của người Chăm (thêu, dệt, làm gốm...) - Chính sách xóa đói giảm nghèo, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi cây trồng. - Áp dụng khoa học kỹ thuật. | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về lao động sản xuất. - Câu hỏi tổng quát - Câu hỏi chọn lựa - Câu hỏi chuyên biệt - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Cách hỏi giá cả. Luyện câu hỏi chọn lựa. - Cách thể hiện cảm xúc ngạc nhiên, thích thú. - Trao đổi về phát triển sản xuất. Luyện câu hỏi tổng quát và câu hỏi chuyên biệt. - Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ điểm - Hỏi và trả lời câu hỏi Như thế nào ? |

| | | |
|--|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Gương làm giàu | | <ul style="list-style-type: none"> - Viết chính tả - Viết đoạn văn ngắn có nội dung phù hợp với chủ đề đang học. |
| <p>7. Khoa học, giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống hiếu học Việt Nam - Thành tựu giáo dục sau 1975 - Đưa khoa học vào đời sống của người Chăm - Tháp Chăm, thành tựu khoa học của người Chăm - Chống mê tín | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về học tập - Câu tường thuật - Phủ định và khẳng định, từ phủ định - Câu cầu khiến - Câu thúc giục - Câu ngăn cấm - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Cách thể hiện thái độ khen, chê; chia vui, chia buồn. Luyện câu tường thuật (dạng phủ định và dạng khẳng định). - Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ đề. - Trao đổi ý kiến về bài trừ mê tín, dị đoan, đưa khoa học vào đời sống. Luyện các loại câu cầu khiến, thúc giục, ngăn cấm. - Viết chính tả. - Viết đoạn văn ngắn, thông báo đơn giản. - Viết bài giới thiệu ngắn gọn với chủ đề đang học. |
| <p>8. Chăm sóc sức khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện thân thể - Giữ vệ sinh cá nhân và môi trường xung quanh - Những tập quán có hại cho sức khỏe; các loại bệnh thông thường - Thể dục, thể thao truyền thống - Khám chữa bệnh: đến bệnh xá, y học cổ truyền của người Chăm | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về sức khỏe - Câu cảm thán - Tiểu từ tình thái cuối câu - Câu đơn một thành phần và câu đơn hai thành phần - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Mời, nhờ, đề nghị. Luyện câu cảm thán. - Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ điểm. - Trao đổi về giữ gìn vệ sinh, chăm sóc sức khỏe. Luyện câu đơn một thành phần và hai thành phần. - Viết chính tả. - Viết đoạn văn kể chuyện, kể việc đơn giản... |

| | | |
|---|---|--|
| <p>9. Bảo vệ Tổ quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam - Làng Chăm thanh bình - An ninh, trật tự - Bảo vệ biên giới - Những mẫu chuyện người tốt việc tốt bảo vệ an ninh trật tự | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về bảo vệ Tổ quốc. - Câu ghép đẳng lập và câu ghép chính phụ. - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe, kể một vài câu chuyện hợp với chủ điểm. - Trao đổi ý kiến về bảo vệ an ninh, trật tự. Luyện câu ghép đẳng lập và chính phụ. - Viết chính tả. - Viết đoạn văn kể hoặc tả đơn giản; viết đơn từ. |
| <p>10. Văn hóa, pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam - Âm nhạc Chăm - Nghệ thuật múa Chăm - Những lễ hội tiêu biểu của người Chăm - Trò chơi dân gian Chăm - Phong tục tập quán Chăm - Truyện dân gian Chăm - Bảo tồn và phát triển văn hóa Chăm - Xây dựng nếp sống mới - Quyền lợi và nghĩa vụ công dân gắn với một số luật cơ bản - Chủ trương và chính sách dân tộc | <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ về văn hóa, nghệ thuật - Từ nối: Liên từ, Giới từ - Cặp từ nối - Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe, kể lại một vài câu chuyện hợp với chủ đề. - Trao đổi ý kiến về xây dựng nếp sống mới. - Viết chính tả. - Viết đoạn văn kể hoặc tả đơn giản, viết đơn từ... - Viết bài giới thiệu ngắn gọn với chủ đề đang học. |

Khung Chương trình trên đây đồng dạng với khung Chương trình dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức đang công tác ở vùng dân tộc Chăm nhưng trong quá trình thực hiện cần được mở rộng, nâng cao hơn. Trong mỗi chủ đề, các đơn vị kiến thức (văn bản tập đọc, từ vựng, ngữ pháp, tập làm văn...) được khai thác sâu rộng hơn; tăng cường các bài tập thực hành tổng hợp nhằm củng cố các kỹ năng đã học.

2. Kiến thức và kỹ năng sư phạm

a) Kiến thức

- Những nội dung cơ bản về chương trình và đối tượng người học
- + Đặc điểm của học viên lớn tuổi đang công tác ở vùng dân tộc; những thuận lợi và khó khăn của đối tượng này trong việc học tiếng dân tộc.
- + Giới thiệu Chương trình dạy tiếng Chăm cho các cán bộ, công chức đang công tác ở vùng đồng bào Chăm; thực hành phân tích Chương trình.
- + Giới thiệu tài liệu học tập; thực hành phân tích tài liệu dạy học.
- Phương pháp sư phạm, các hình thức tổ chức dạy học và đánh giá.
- + Những hiểu biết chung về phương pháp dạy học và phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học viên.
- + Các phương pháp dạy học tiếng cho người lớn: phương pháp rèn luyện theo mẫu, phương pháp thực hành giao tiếp, phương pháp phân tích ngôn ngữ, phương pháp đặt và giải quyết vấn đề, phương pháp đóng vai.
- + Các phương pháp dạy học cụ thể vận dụng trong dạy tiếng dân tộc ở từng loại bài học: phương pháp dạy nghe nói, phương pháp dạy đọc, phương pháp dạy viết.
- + Sử dụng các học liệu và các phương tiện dạy học khác để dạy tiếng dân tộc thuộc các đề tài đã học: sử dụng băng cát sét, băng hình, tranh ảnh, môi trường xung quanh để dạy tiếng.
- + Các hình thức tổ chức dạy học tiếng dân tộc cho người lớn: học cá nhân, học nhóm, học theo lớp, tự học có hướng dẫn.
- + Đánh giá, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và các hình thức đánh giá kết quả học tập.

b) Kỹ năng sư phạm

- + Thực hành nhận biết phương pháp dạy học mới trong việc dạy tiếng Chăm.
- + Thực hành soạn giáo án dạy học thể hiện từng phương pháp đã học.
- + Thực hành phân tích thực trạng về phương pháp dạy tiếng Chăm ở địa phương; soạn bài, dạy thử từng loại bài luyện kỹ năng (luyện nghe, nói, luyện đọc, viết).
- + Thực hành soạn bài, dạy thử có dùng các các phương tiện dạy học.

- + Thực hành soạn bài, dạy thử theo các hình thức tổ chức dạy học đã nêu.
- + Thực hành kiểm tra, đánh giá.

VI. GIẢI THÍCH, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tính pháp lý của bộ chữ Chăm và vấn đề phương ngữ

a) Tính pháp lý của bộ chữ Chăm

Đồng bào dân tộc Chăm cư trú chủ yếu ở Trung Trung bộ (Bình Định, Phú Yên), Nam Trung bộ (Ninh Thuận, Bình Thuận), Nam bộ (TP. HCM, Tây Ninh, An Giang...). Ở mỗi vùng cư trú, đồng bào Chăm sử dụng các bộ chữ viết khác nhau: vùng Nam Trung bộ sử dụng bộ chữ Chăm cổ truyền (Akhar Thrah); vùng Nam bộ sử dụng bộ chữ Chăm Jawi; vùng Trung Trung bộ sử dụng bộ chữ tự xây dựng theo hệ chữ viết la tinh. Do vậy việc sử dụng bộ chữ Chăm để biên soạn tài liệu dạy học theo chương trình này do cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh) của từng địa phương quyết định.

b) Vấn đề phương ngữ

Tiếng Chăm ở mỗi vùng về cơ bản là thống nhất, sự khác biệt là không đáng kể và nếu có thì chủ yếu là ở cách phát âm không đồng nhất một số từ ngữ (hiện tượng lược bớt âm và biến âm trong khi nói).

Để giải quyết vấn đề phương ngữ, khi biên soạn tài liệu dạy học cần có mục đối chiếu các phương ngữ sau từng bài khóa hoặc có bảng từ ngữ đối chiếu ở cuối tài liệu. Bên cạnh đó nên trang bị cho học viên các tài liệu công cụ như Sổ tay từ ngữ các phương ngữ tiếng Chăm, Từ điển so sánh Việt - Chăm, Chăm - Việt để học viên tham khảo và tra cứu.

2. Cấu trúc của Chương trình

Nội dung Chương trình được cấu trúc thành hai khối lớn: khối kiến thức, kỹ năng tiếng Chăm và khối kiến thức, phương pháp sư phạm dạy tiếng Chăm.

a) Khối kiến thức, kỹ năng tiếng Chăm có hai phần:

Phần 1 giới thiệu một số hiểu biết chung về tiếng nói và chữ viết Chăm (khái quát về tiếng và chữ Chăm, chữ cái, dấu âm, âm vần).

Phần 2 tích hợp dạy kiến thức, kỹ năng tiếng Chăm qua thực hành nghe, nói, đọc, viết. Nội dung được xây dựng đồng dạng với nội dung của Chương trình dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Chăm. Tính chất đồng

dạng được hiểu là cấu trúc nội dung phần này giống cấu trúc nội dung của Chương trình dạy tiếng Chăm cho cán bộ, công chức nhưng có mở rộng và nâng cao hơn. Mỗi bài học là một lĩnh vực đời sống xã hội. Trong mỗi lĩnh vực, học viên được luyện cả bốn kỹ năng, ưu tiên luyện các kỹ năng đọc, viết nhiều hơn luyện hai kỹ năng nghe và nói. Tính chất đồng dạng tạo ra một sự liên thông có phát triển giữa hai Chương trình. Điều đó giúp cho học viên vừa đáp ứng được yêu cầu dạy học trực tiếp theo từng nội dung ở chương trình dành cho cán bộ, công chức; vừa giúp họ có được các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ sâu rộng hơn.

b) Khối kiến thức và phương pháp sư phạm, bao gồm cả những kiến thức về dạy học tiếng dân tộc cho người lớn, các phương pháp dạy học chủ yếu, phương tiện dạy học, đánh giá kết quả và hệ thống kỹ năng thông qua thực hành sư phạm dạy tiếng Chăm cho các cán bộ, công chức đang công tác ở vùng đồng bào Chăm.

Sự phân chia các phần nội dung chỉ là tương đối để thuận tiện cho việc đánh giá kết quả học tập. Khi biên soạn tài liệu học tập cho khối kiến thức và kỹ năng tiếng Chăm, cần phải thể hiện sự tích hợp giữa nội dung của phần 1 với nội dung của phần 2 để người học trong lúc học nghe, nói, đọc, viết được nhận biết, củng cố các kiến thức về tiếng và trong lúc học các kiến thức về tiếng, có cơ hội sử dụng những kiến thức đó vào việc nghe, nói, đọc, viết. Như vậy trong các bài luyện nghe, nói, luyện đọc, luyện viết có phần tóm tắt, củng cố các kiến thức về tiếng Chăm; trong các bài cung cấp kiến thức cơ bản về tiếng Chăm có phần sử dụng kiến thức tiếng để thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

3. Tài liệu dạy học tiếng Chăm

a) Ngữ liệu đưa vào dạy học là các tác phẩm, trích đoạn văn học truyền thống (truyện dân gian, thơ ca dân gian Chăm...); các tác phẩm, trích đoạn văn học hiện đại; các văn bản phổ biến khoa học, pháp luật và văn bản thông thường (thông báo, mẫu tin...) được dịch từ tiếng Việt sang tiếng Chăm.

b) Chương trình này là căn cứ để các nhóm tác giả biên soạn giáo trình, thiết kế các thiết bị dạy học tiếng Chăm cho việc đào tạo giáo viên dạy tiếng Chăm. Những giáo trình, tài liệu và thiết bị dạy học cần được biên soạn và thiết kế phù hợp với phương thức đào tạo, phù hợp với đặc điểm của học viên.

4. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Để việc dạy học tiếng Chăm theo Chương trình này có hiệu quả, cần vận dụng các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học viên; chú

ý vận dụng những phương pháp đặc trưng của môn học như thực hành giao tiếp, đóng vai, rèn luyện theo mẫu, phân tích ngôn ngữ. Cần phối hợp các phương pháp nói trên một cách linh hoạt trong một bài học để phát huy được hết khả năng lĩnh hội của học viên và tạo cho họ sự hứng thú cao trong học tập.

Để phát huy tính tích cực của học viên, cần thay đổi hình thức tổ chức dạy học trong một bài dạy. Cần phối hợp các hình thức tổ chức dạy học (học cá nhân, học theo nhóm nhỏ, học theo lớp, tự học có hướng dẫn) trong một bài học, hay một tổ hợp bài học. Hình thức học cá nhân được áp dụng trong các trường hợp giáo viên giao những nhiệm vụ phát hiện các đơn vị kiến thức nhỏ, rèn luyện các kỹ năng của từng cá thể mà không đòi hỏi một sự hợp tác nào (ví dụ: phát âm đúng các âm, các từ; trả lời các câu hỏi nhỏ trong bài đọc, trình bày hiểu biết và kinh nghiệm của cá nhân về một vấn đề nêu trong bài học). Hình thức học nhóm được áp dụng trong các trường hợp đòi hỏi học viên phải hợp tác với các học viên khác mới thực hiện được nhiệm vụ đề ra (ví dụ: học các bài hội thoại, học qua đóng vai, học qua thảo luận, trao đổi để soạn giáo án và dạy thử). Hình thức học theo lớp được áp dụng chủ yếu trong các trường hợp học viên nghe giáo viên giải thích, hướng dẫn, làm mẫu. Hình thức tự học có hướng dẫn được áp dụng trong các trường hợp đòi hỏi học viên tự nghiên cứu, tự học qua tài liệu theo sự hướng dẫn của giáo viên.

5. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập là hoạt động xác nhận kết quả học tập của học viên nhằm làm cho học viên nhận biết được trình độ của chính mình. Việc đánh giá kết quả học tập cũng cho giảng viên những thông tin phản hồi về quá trình dạy học giúp họ điều chỉnh nội dung dạy học ở từng bài nhằm khắc phục những điểm còn yếu và phát huy những điểm tốt.

a) Phương thức đánh giá

Đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới ba hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì và đánh giá cuối khóa.

b) Nguyên tắc đánh giá

- Toàn diện: các nội dung học tập nêu trong Chương trình đều phải được đánh giá. Nội dung nào được chú trọng và chiếm thời lượng nhiều trong Chương trình thì được đánh giá nhiều lần hơn những nội dung khác.

- Khách quan: sử dụng nhiều công cụ đánh giá (đánh giá bằng các câu hỏi trắc

nghiệm khách quan, câu hỏi và bài tập tự luận, đánh giá bằng quan sát của giảng viên) để việc đánh giá đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan.

- Phù hợp: các kiến thức và kỹ năng cần được đánh giá bằng các công cụ và cách thức phù hợp:

+ Các kỹ năng phát âm, đọc thành tiếng, viết chữ, nói trong hội thoại có thể đánh giá bằng quan sát và nhận xét của giảng viên về sản phẩm của học viên.

+ Các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, các kiến thức về tiếng Chăm, có thể đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

+ Các kỹ năng viết đoạn, viết bài, các kiến thức về nghiệp vụ dạy học tiếng Chăm có thể đánh giá bằng câu hỏi và bài tập tự luận (câu trả lời miệng hoặc câu trả lời viết, bài viết)

+ Các kỹ năng sư phạm được đánh giá bằng quan sát của giảng viên về giáo án và giờ thực hành dạy học của học viên.

c) Chứng chỉ

Việc cấp chứng chỉ cho học viên căn cứ vào kết quả học tập qua các đánh giá định kì và kết quả kiểm tra cuối khóa.

6. Một số loại hình đào tạo

a) Đào tạo tập trung liên tục từ đầu đến cuối khóa. Kết thúc khóa, học viên dự kiểm tra cuối khóa để lấy chứng chỉ.

b) Đào tạo theo nhiều đợt, mỗi đợt, học viên học một số học phần và dự kiểm tra sau học phần. Kết thúc khóa, học viên dự kiểm tra để lấy chứng chỉ.

7. Điều kiện thực hiện Chương trình

a) Có đủ giảng viên.

b) Có đủ cơ sở vật chất tối thiểu cho việc đào tạo (phòng học, phương tiện, trang thiết bị...)

c) Có đủ tài liệu học tập cho học viên, gồm Tài liệu học tiếng Chăm cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Chăm, sách Hướng dẫn cho giáo viên.

d) Có các loại sách bổ trợ cho học viên như: Từ điển Việt - Chăm, Từ điển Chăm - Việt, Sổ tay từ ngữ, ngữ pháp tiếng Chăm, các tác phẩm văn học, sách khảo cứu văn hóa Chăm...

Chương trình này chú ý khuyến khích học viên vận dụng hiểu biết của mình vào quá trình học tập. Nội dung luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Chăm chính là các vấn đề họ thường gặp trong công việc, vì thế học viên có thể nêu cách giải quyết các vấn đề đó bằng tiếng Chăm. Các kiến thức về tiếng Chăm cần được thực hành, vận dụng vào việc soạn bài, dạy thử, nhằm kết hợp chặt chẽ giữa học tập lý thuyết và thực hành sư phạm.

Những kiến thức và kỹ năng trong chương trình đều hướng tới sự chuẩn bị tích cực cho học viên để họ có thể đảm nhận được công việc của một giáo viên dạy tiếng Chăm sau khi học xong Chương trình./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Vọng